

Bản án số: 17/2023/DS-ST

Ngày: 23/5/2023

*“V/v: Tranh chấp Hợp đồng cấp tín dụng
Và tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng sử
dụng thẻ tín dụng”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đào Phương Mai

- Bà Nguyễn Thị Thiên Thuận

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Thư
ký Tòa án quận Hoàn Kiếm.***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.***

Trong ngày 23/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 08/2023/TLST-DS ngày 16/01/2023, về việc “Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” - theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐST-DS ngày 05/5/2023, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A (viết tắt là A)***

Trụ sở chính: Số 442 N, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến Phát - Tổng Giám đốc

*Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Thảo - Giám đốc Phòng Xử lý
nợ. (Theo Giấy ủy quyền số 69/UQ-QLN.22 ngày 20/01/2022 của người đại diện
theo pháp luật).*

Bà Thảo ủy quyền tham gia tố tụng cho: ***Bà Lưu Ngọc Bích*** - Nhân viên
xử lý nợ (Theo Giấy ủy quyền số 142/UQ-CNTL.22 ngày 09/6/2022)

Địa chỉ liên hệ: Tầng 6, số 10 P, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

(Bà Bích có mặt)

**** Bị đơn: Bà Hoàng Thị H***, sinh năm 1971; hộ khẩu thường trú: 82 TT M,
phường C, quận H, Thành phố Hà Nội.

Hiện đang thi hành án tại phân trại số 3, Đội phạm nhân số 12 - Trại giam
N, Ninh Bình.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại Đơn khởi kiện và các Bản tự khai, Đơn trình bày tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (A) - bà Lưu Ngọc Bích trình bày:**

1. Đối với khoản nợ thẻ tín dụng:

Ngày 09/01/2017 bà Hoàng Thị H có ký với Ngân hàng TMCP A (A) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của A - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà H, A đã đồng ý cấp thẻ tín dụng, Visa chuẩn EMV. Số thẻ 479138XXXXXX2920 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng.

Đến ngày 01/6/2017 bà H có yêu cầu thay đổi số thẻ, A đã thực hiện thay đổi số thẻ mới cho bà H là 479139XXXXXX1897.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 26.462.731 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H chưa thanh toán cho A bất kỳ khoản nào. Tính đến ngày 04/5/2023 bà H còn nợ A tổng số tiền là 85.811.778 đồng, trong đó, dư nợ gốc là 26.899.213 đồng (dư nợ gốc không tính nợ quá hạn là 436.482 đồng, dư nợ gốc tính lãi nợ quá hạn là 26.462.731 đồng), lãi quá hạn là 58.912.565 đồng (tính theo công thức dư nợ gốc tính lãi nợ quá hạn x số ngày khách hàng vi phạm x lãi suất nợ quá hạn/365 ngày). Số tiền dư nợ gốc không tính nợ quá hạn là 436.482 đồng là số tiền phí và lãi trong hạn mà khách hàng chưa thanh toán. Số tiền dư nợ gốc tính lãi nợ quá hạn là 26.462.731 đồng là số dư nợ gốc tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Thứ tự thanh toán áp dụng theo (Theo khoản 9.4 điều 9) của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau. (theo thứ tự: các giao dịch, phí, lãi được ghi nợ vào tài khoản thẻ).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 10 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà H từ ngày 23/03/2018 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, gọi là dư nợ gốc (Khoản 10.1 điều 10) của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 26.462.731 đồng là 3,625%/tháng (150% lãi suất trong hạn), cụ thể như sau:

Lãi suất trong hạn: $2,415\%/tháng \times 12 tháng = 29\%/năm$;

Lãi suất quá hạn: $3,625\%/tháng \times 12 tháng = 43,5\%/năm$.

Lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn, được tính trên số tiền nợ gốc 26.462.731 đồng là 43,5%/năm, cụ thể như sau:

Số tiền nợ lãi quá hạn = nợ gốc tính lãi x (lãi suất trong hạn x 150% x số ngày)/365 ngày.

Số ngày lãi quá hạn: Ngày chuyển nợ quá hạn từ ngày 23/03/2018 đến ngày ngày 04/5/2023 = 1.868 ngày.

Số tiền nợ lãi quá hạn là: 26.462.731 đồng x 43,5% x 1.868 ngày/365 = 58.912.565 đồng.

Tính đến ngày 04/5/2023 bà H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền thẻ tín dụng là 85.811.778 đồng, trong đó dư nợ gốc là 26.899.213 đồng (dư nợ gốc tính lãi quá hạn là: 26.462.731 đồng, dư nợ gốc không tính lãi quá hạn là: 436.482 đồng); lãi quá hạn 58.912.565 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

2. Đối với khoản nợ của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số CHA.CN.832.301216 ngày 30/12/2016:

Ngày 30/12/2016 bà Hoàng Thị H và Ngân hàng TMCP A (A) đã ký Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số CHA.CN.832.301216 cùng Giấy nhận nợ_với nội dung cụ thể như sau:

Số tiền vay: 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng).

Mục đích vay vốn: UIL - Tiêu dùng tín chấp - hỗ trợ tiêu dùng.

Thời hạn vay: 36 tháng

Lãi suất vay trong hạn: 11.50%/năm (tính theo dư nợ ban đầu).

Lãi suất quá hạn: 150% của lãi suất trong hạn.

Phạt trễ kỳ: 200.000 đồng/kỳ

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã trả được cho A số tiền nợ gốc là 46.945.158 đồng và 16.195.842 đồng tiền lãi trong hạn. Tổng cộng là 63.141.000 đồng. Từ ngày 10/01/2018 bà Hoàng Thị H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết nên ngày 21/9/2018 A đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay và đã nhiều lần A yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng bà H cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 04/5/2023, dư nợ của bà H đối với khoản nợ của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số CHA.CN.832.301216 ngày 30/12/2016 tại A là 160.736.347 đồng, trong đó:

Nợ gốc là 83.054.842 đồng;

Lãi trong hạn là: 10.880.283 đồng

Lãi quá hạn là: 65.001.222 đồng

Lãi phạt chậm trả là: 1.800.000 đồng

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng đã khởi kiện bà Hoàng Thị H đến Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, đề nghị Tòa án giải quyết những nội dung sau:

1. Buộc bà Hoàng Thị H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 04/5/2023 là 246.548.125 đồng, trong đó:

- Dư nợ gốc của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số CHA.CN.832.301216 ngày 30/12/2016 là 83.054.842 đồng; lãi trong hạn là: 10.880.283 đồng; lãi quá hạn là: 65.001.222 đồng; lãi phạt chậm trả là: 1.800.000 đồng.

- Dư nợ gốc của Thẻ tín dụng là 26.899.213 đồng (dư nợ gốc tính lãi quá hạn là: 26.462.731 đồng, dư nợ gốc không tính lãi quá hạn là: 436.482 đồng); lãi quá hạn 58.912.565 đồng.

Tổng cộng hai khoản nợ là: 246.548.125 đồng (hai trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng), trong đó:

Nợ gốc là 109.954.055 đồng;

Lãi trong hạn là 10.880.283 đồng;

Lãi quá hạn là 123.913.787 đồng;

Phạt chậm trả là 1.800.000 đồng.

2. Bà Hoàng Thị H còn phải tiếp tục trả tiền hạt chậm trả lãi, tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng cấp tín dụng, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng Thẻ tín dụng, tính từ ngày 05/5/2023 cho đến ngày bà H trả hết nợ cho Ngân hàng.

*** Bị đơn - bà Hoàng Thị H:**

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, cho bà Hoàng Thị H tại Phân trại số 3 - Trại giam N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Theo Biên bản tự khai ngày 14/4/2023 tại Phân trại 3 - Trại giam N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, bà H trình bày:

Ngày 30/12/2016 bà có ký Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số CHA.CN.832.301216 ngày 30/12/2016, với Ngân hàng TMCP A (A). Mục đích để sử dụng tiêu dùng với số tiền trong Hợp đồng là 130.000.000 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất là 11,5%/năm; lãi suất quá là 150%; phạt trễ kỳ là 200.000 đồng/kỳ. Quá trình thực hiện Hợp đồng cấp tín dụng trả góp bà đã trả được cho Ngân hàng A với số tiền là 21.000.000 đồng. Đến nay, bà còn nợ số tiền gốc là 109.954.055 đồng. Do ngày 21/9/2018 bà đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng A đã chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn.

Ngày 09/01/2017 bà có ký Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng Thẻ tín dụng gửi Ngân hàng A đề nghị Ngân hàng phát hành Thẻ tín dụng loại Thẻ Visa EMV (Thẻ tín dụng Quốc tế). Ngân hàng A đã cấp cho bà Thẻ tín dụng số 4791382530872920. Ngày 17/01/2017 do trong quá trình sử dụng bà làm mất Thẻ nên đến ngày 01/6/2017 bà đã yêu cầu Ngân hàng A cấp lại Thẻ cho bà, hiện nay bà không nhớ số thẻ.

Trong quá trình sử dụng Thẻ tín dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ cho đến khi bà bị bắt do vi phạm pháp luật nên bà đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng A. Do vậy, ngày 23/03/2018 Ngân hàng đã chuyển nợ thẻ của bà sang nợ quá hạn và chấm dứt việc sử dụng thẻ của bà.

Nay Ngân hàng A yêu cầu bà phải thanh toán số tiền nợ của Hợp đồng cấp tín dụng tạm tính đến ngày 16/03/2023 là 157.753.199 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 83.054.842 đồng, lãi trong hạn là 10.880.283 đồng, lãi quá hạn là 62.017.074 đồng, phạt chậm trả 1.800.000 đồng. Buộc phải thanh toán cho ngân hàng A số tiền nợ của thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 16/02/2023 là: 83.383.369 đồng, trong đó nợ gốc là 26.898.213 đồng, lãi quá hạn là 56.484.156 đồng.

Bà nhất trí với số tiền A đã tính như trên là đúng. Do bà đang phải chấp hành án nên không có điều kiện trả cho ngân hàng, bà đề nghị ngân hàng tạm dừng tính lãi. Sau khi chấp hành án phạt tù, bà về xã hội sẽ trả cho ngân hàng sau. Bà xin trả phần gốc, còn lãi suất bà xin ngân hàng A xem xét và giải quyết cho bà miễn phần lãi.

Do bà đang chấp hành án không thể tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa được. Bà đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

**** Bà Lưu Ngọc Bích là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (A) trình bày:***

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà Hoàng Thị H phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp và Thẻ tín dụng, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/5/2023 là **247.893.129 đồng (hai trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn, một trăm hai mươi chín đồng)**; trong đó: nợ gốc là: 109.954.055 đồng; lãi trong hạn là 10.880.283 đồng; lãi quá hạn là 125.258.791 đồng; phạt chậm trả là 1.800.000 đồng.

Bà H còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng và Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng, kể từ ngày kế tiếp của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 24/5/2023 cho đến khi bà H trả dứt nợ vay cho Ngân hàng.

**** Bị đơn bà Hoàng Thị H:*** Xác nhận về thời gian hai bên ký Hợp đồng cấp tín dụng trả góp và cấp Thẻ tín dụng. Bà xác nhận số tiền nợ gốc và lãi của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp và cấp Thẻ tín dụng như nguyên đơn Ngân hàng A trình bày là đúng. Quá trình thực hiện Hợp đồng bà đã trả được cho Ngân hàng A số tiền 21.000.000 đồng nhưng sau đó do bà vi phạm pháp luật nên đã phải đi chấp hành án. Hiện bà H đang chấp hành án tại Phân trại số 3 - Trại giam N, huyện H, tỉnh Ninh Bình nên bà xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Ngân hàng

miễn lãi và xin cho bà được trả số tiền nợ gốc sau khi bà đi thi hành án về bà sẽ trả nợ cho Ngân hàng.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và quan điểm giải quyết vụ án:**

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn bà Hoàng Thị H đang phải đi chấp hành án tại Phân trại số 3- Trại giam Ninh Khánh, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình nên bà H xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A (A). Buộc bà H phải trả cho Ngân hàng TMCP A (A) tổng số tiền của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp và Thẻ tín dụng, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/5/2023 là **246.093.129 đồng** (hai trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm chín mươi ba nghìn, một trăm hai mươi chín đồng); trong đó: nợ gốc là: 109.954.055 đồng; lãi trong hạn là 10.880.283 đồng; lãi quá hạn là 125.258.791 đồng;

Đối với số tiền phạt chậm trả là 1.800.000 đồng của Ngân hàng là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật và thủ tục tố tụng:

1.1 Về thẩm quyền:

Xét thấy: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (A) khởi kiện tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng cấp tín dụng trả góp và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đến Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm là nơi giải quyết tranh chấp theo nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú của bị đơn bà Hoàng Thị H tại địa chỉ số 82 tập thể M, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (A) khởi kiện bị đơn bà Hoàng Thị H yêu cầu Tòa án tuyên bà H phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cấp tín dụng trả góp và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản điều khoản và điều

kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - gọi chung là Hợp đồng) đã ký kết. Số tiền tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng cấp tín dụng trả góp và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết giữa các bên. Do đó quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn bà Hoàng Thị H hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 3 - Trại giam N, huyện H, tỉnh Ninh Bình và đề nghị Toà xét xử vắng mặt bà H.

Vì vậy, Toà án quận Hoàn Kiếm xét xử vắng mặt bà H là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung và hiệu lực của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp và Hợp đồng cấp Thẻ tín dụng:

2.1. Ngày 09/01/2017 bà Hoàng Thị H có ký với Ngân hàng TMCP A (A) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của A - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà H, A đã đồng ý cấp thẻ tín dụng, Visa chuẩn EMV - số thẻ 479138XXXXXX2920 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Hai bên ký Hợp đồng tự nguyện, người ký kết là người có thẩm quyền và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo pháp luật. Hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết. Các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng như cam kết.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, đến ngày 01/6/2017 bà H có yêu cầu thay đổi số thẻ, A đã thực hiện thay đổi số thẻ mới cho bà H là 479139XXXXXX1897, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 26.462.731 đồng. Bà H chưa thanh toán được cho Ngân hàng số tiền nào. Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 10 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, gia hạn tạo điều kiện nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo khoản 12.2 Điều 12 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà H và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, gọi là dư nợ gốc (Điều 10 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 26.462.731 đồng là 3,625%/tháng (150% lãi suất trong hạn), cụ thể như sau:

Lãi suất trong hạn: $2,415\%/tháng \times 12 tháng = 29\%/năm$;

Lãi suất quá hạn: $3,625\%/tháng \times 12 tháng = 43,5\%/năm$.

Lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn, được tính trên số tiền nợ gốc 26.462.731 đồng là 43,5%/năm, cụ thể như sau:

Số tiền nợ lãi quá hạn = nợ gốc tính lãi x (lãi suất trong hạn x 150% x số ngày)/365 ngày.

Số ngày lãi quá hạn: Ngày chuyển nợ quá hạn từ ngày 23/03/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 23/5/2023 = 1.887 ngày.

Số tiền nợ lãi quá hạn là: 26.462.731 đồng x 43,5% x 1.887 ngày/365 = 59.511.782 đồng.

Tính đến ngày 23/5/2023 bà H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền Thẻ tín dụng là 86.410.995 đồng, trong đó dư nợ gốc là 26.899.213 đồng (dư nợ gốc tính lãi quá hạn là: 26.462.731 đồng, dư nợ gốc không tính lãi quá hạn là: 436.482 đồng); lãi quá hạn 59.511.782 đồng.

2.2. Ngày 30/12/2016 Ngân hàng TMCP A (A) do bà Trịnh Thị Lệ Huyền - Giám đốc là đại diện và bà Hoàng Thị H ký Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số CHA.CN.832.301216, số tiền Ngân hàng giải ngân cho bà H vay là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng); mục đích cho vay: UIL – Tiêu dùng tín chấp. Lãi suất cho vay trong hạn và lãi suất cho vay quá hạn được thể hiện cụ thể theo Hợp đồng cho vay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều công nhận việc ký kết Hợp đồng cấp tín dụng trả góp là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, đúng chủ thể tham gia ký kết Hợp đồng nên Hợp đồng cho vay trên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Sau khi ký kết Hợp đồng cho vay trên, ngày 30/12/2016, Ngân hàng A đã giải ngân cho bà H số tiền là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) theo Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số CHA.CN.832.301216 ngày 30/12/2016. Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Hoàng Thị H đã thanh toán được cho A số tiền nợ gốc là 46.945.158 đồng và 16.195.842 đồng tiền lãi trong hạn, tổng cộng là 63.141.000 đồng. Sau đó, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 21/10/2018 khoản nợ của bà H bị chuyển sang quá hạn. Ngân hàng A đã gửi nhiều Thông báo, Công văn yêu cầu bà H trả nợ, nhưng bà H không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện bà H đến Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp là 161.482.134 đồng (một trăm sáu mươi một triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn, một trăm ba tư đồng).

Quá trình giải quyết vụ án do bà H hiện đang đi thi hành án tại phân trại số 3 - Trại giam N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, bà H có lời khai xác nhận số dư nợ của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp và Hợp đồng cấp tín dụng như Ngân hàng A trình bày là đúng. Do hiện nay bà H đang phải chấp hành án không đến tham gia phiên tòa được, bà H xin được vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và Hợp đồng cấp tín dụng trả góp. Đối chiếu với khoản nợ gốc đã giải ngân, số tiền bà H đã trả Ngân hàng, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Ngân hàng A yêu cầu bà H trả số tiền nợ lãi trong hạn; lãi quá hạn của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp và Hợp đồng cấp thẻ tín dụng.

Xét, Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số số CHA.CN.832.301216 ngày 30/12/2016 và Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 4117017004390 ngày 09/01/2017, các bên thỏa thuận lãi suất vay trong hạn 11.50%/năm (tính theo dư nợ ban đầu), lãi suất quá hạn 150% của lãi suất trong hạn và phạt trễ kỳ 200.000 đồng/kỳ.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận lãi suất là sự tự nguyện của các bên, số tiền lãi trong hạn và quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc, thời gian quá hạn nhân với lãi suất vay theo đúng quy định của pháp luật và thỏa thuận lãi suất của các bên tại Hợp đồng và các quyết định về mức lãi suất từng thời điểm của Ngân hàng thể hiện tại bảng tính tổng hợp gốc lãi.

Vì vậy, Ngân hàng A yêu cầu bà H thanh toán số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn của số tiền nợ gốc của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp và Hợp đồng cấp thẻ tín dụng trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Xác định tính đến hết ngày 23/5/2023 bà H còn nợ Ngân hàng A số tiền nợ lãi trong hạn của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp là: 10.880.283 đồng; lãi quá hạn của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp là 65.747.009 đồng và lãi quá hạn của Hợp đồng cấp Thẻ tín dụng là: 59.511.782 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn Ngân hàng A yêu cầu bị đơn bà H tiếp tục phải thanh toán khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng trả góp và Hợp đồng cấp Thẻ tín dụng đã ký giữa hai bên kể từ ngày kế tiếp của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 24/5/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền phạt chậm trả lãi của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp là 1.800.000 đồng là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ căn cứ và nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc bị đơn bà Hoàng Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP A (A) số tiền nợ của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp tính đến ngày 23/5/2023 là 159.682.134 đồng, trong đó nợ gốc là: 83.054.842 đồng; lãi trong hạn là 10.880.283 đồng, lãi quá hạn 65.747.009 đồng và số tiền nợ của Hợp đồng cấp Thẻ tín dụng tính đến ngày 23/5/2023 là 86.410.995 đồng, trong đó nợ gốc là 26.899.213 đồng; lãi quá hạn là 59.511.782 đồng. Tổng cộng hai khoản là 246.093.129 đồng (hai trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm chín mươi ba nghìn, một trăm hai mươi chín đồng).

Bà H còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng trả góp và Hợp đồng cấp Thẻ tín dụng kể từ ngày kế tiếp của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 24/5/2023 cho đến khi bà H trả dứt nợ vay cho Ngân hàng A.

Về án phí: Bị đơn bà Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (A) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 179; Điều 180; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 280; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 90; Điều 91; Điều 95; Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước);

- Thông tư số 12/2010/TT - NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 2; Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (A) đối với bị đơn bà Hoàng Thị H, về việc “Tranh chấp Hợp đồng cấp tín dụng trả góp và tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng”.

2. Buộc bị đơn bà Hoàng Thị H phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (A) tổng số tiền nợ của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp và Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/5/2023 là **246.093.129 đồng (hai trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm chín mươi ba nghìn, một trăm hai mươi chín đồng)**, trong đó số tiền nợ gốc là: 109.954.055 đồng; lãi trong hạn là 10.880.283 đồng; lãi quá hạn là 125.258.791 đồng.

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 24/5/2023 theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng trả góp và Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng cho đến khi tất toán xong toàn bộ số nợ.

4. Về án phí: Bị đơn bà Hoàng Thị H phải chịu 12.305.000 đồng (mười hai triệu ba trăm linh năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP A (A) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 5.592.000 đồng (năm triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Ngân hàng TMCP A (A) đã nộp theo biên lai số 0052105 ngày 12/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Ngân hàng TMCP A (A) được nhận lại số tiền 5.292.000 đồng (năm triệu, hai trăm chín mươi hai nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

5. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A, vắng mặt bị đơn bà Hoàng Thị H. Tòa án báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Hoàng Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDQHK;
- Các đương sự;
- THADSQHK;
- TANDTPHN;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hiền Hòa